

Số: /GP-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC NƯỚC MẶT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 27 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật tài nguyên nước;

Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác nước mặt của Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, ngày 25/7/2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1523/TTr-STNMT ngày 25/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn, địa chỉ tại số 08 Lê Văn Hưu, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa được khai thác nước mặt, với các nội dung sau:

1. Tên công trình: Công trình Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Nguyệt Ân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

2. Mục đích khai thác nước: Sản xuất nước sạch, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, cơ quan hành chính sự nghiệp trên địa bàn xã Nguyệt Ân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

3. Nguồn nước khai thác: Kênh C3 thuộc hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã.

4. Vị trí các hạng mục chính của công trình khai thác nước:

Tại thôn Nguyệt Bình, xã Nguyệt Ân, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa; Tọa độ vị trí khai thác nước (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiều 3⁰) như sau:

$X = 534447$ (m); $Y = 2209710$ (m).

5. Chế độ khai thác: 365 ngày/năm.

6. Lượng nước khai thác: 700 m³/ngày đêm;

7. Phương thức khai thác: Nước mặt được khai thác theo phương thức tự chảy vào hồ sơ lắng (có dung tích $V = 9.200\text{m}^3$), mương dẫn bằng bê tông cốt thép kích thước (1x1x1)m với chiều dài 15m. Nước từ hồ sơ lắng được bơm lên bằng 03 máy bơm (02 máy chạy và 01 máy dự phòng, công suất mỗi máy bơm $Q = 15$ m³/h, cột áp $H = 20$ m). Đường ống riêng từng máy bơm bằng thép DN100, sau đó đẩy chung về khu xử lý bằng ống thép DN150.

8. Thời hạn của giấy phép là 05 năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Lắp đặt thiết bị, đo đạc, giám sát quá trình khai thác nước.

3. Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý tài nguyên nước ở trung ương và địa phương; cung cấp đầy đủ và trung thực thông tin, dữ liệu về hoạt động khai thác tài nguyên nước của công trình vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia và theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Quan trắc chất lượng nguồn nước khai thác định kỳ 12 tháng/lần (nguồn nước Kênh C3 thuộc hệ thống tưới Bắc sông Chu - Nam sông Mã).

5. Bảo vệ nguồn nước khai thác, đảm bảo vệ sinh khu vực khai thác; khai thác nước trong giới hạn cho phép, sử dụng nước đúng mục đích, hợp lý, hiệu quả và tiết kiệm.

6. Thực hiện việc vận hành công trình khai thác, hệ thống xử lý nước theo đúng thiết kế, quy trình công nghệ đã trình bày và cam kết trong hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác, sử dụng nước mặt của đơn vị.

7. Trong quá trình khai thác, nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng, lưu lượng nguồn nước và môi trường quanh khu vực khai thác, đơn vị phải dừng ngay việc khai thác, báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

8. Phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác nước mặt của đơn vị là 1.000 m về phía thượng lưu và 100 m về phía hạ lưu.

9. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ngọc Lặc về tình hình khai thác, sử dụng nước mặt và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng; các kết quả giám sát nguồn nước theo quy định.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung

của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước mặt của công trình này.

Điều 4. Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Chậm nhất 45 ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn còn tiếp tục khai thác, sử dụng nước mặt với các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Trung tâm Nước SH&VSMTNT;
- Cục Quản lý tài nguyên nước (để b/c);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế tỉnh Thanh Hóa;
- UBND huyện Ngọc Lặc;
- Lưu: VT, Pg NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang